TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11-02-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lường Thị Trang.

Bà Hoàng Thị Thiều.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt

Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Vi Văn T chung sống với nhau từ năm 1999, trước khi về chung sống với nhau được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương. Tuy nhiên từ khi về chung sống vợ chồng với nhau do không hiểu biết pháp luật nên vợ chồng chị không đi đăng ký kết hôn theo quy

định. Sau khi tổ chức lễ cưới, chị L và anh T sống tại thôn Làng Lầu, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, đến năm 2005 thì vợ chồng về thôn B, xã N, huyện B sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra và có với nhau một người con chung, nhưng đến năm 2008 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Vi Văn T ham chơi cờ bạc nên không chịu tu chí làm ăn, do đó vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cãi chửi nhau. Chị Hoàng Thị L và gia đình hai bên đã khuyên bảo anh T rất nhiều lần nhưng anh T không chịu thay đổi, do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2018 chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn Làng Lầu, xã N, huyện B sinh sống, chị L và anh T sống ly thân từ đó đến nay, hiện nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai và cũng không liên lạc gì với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị Hoàng Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Vi Văn L1, sinh ngày 30/8/2000. Hiện nay cháu Vi Văn L1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, anh Vi Văn T không đến Tòa án tham gia tố tụng, mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện thôn Bản Đắc, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và xác minh tại Công an xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện thôn Bản Đắc, xã N và Công an xã N đều khẳng định anh Vi Văn T vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết theo quy định của pháp luật nhưng anh Vi Văn T vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Vi Văn T không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Hoàng Thị L đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ

nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Không công nhận chị Hoàng Thị L và Vi Văn T là vợ chồng. Về con chung: là Vi Văn L1, sinh ngày 30/8/2000. Hiện nay cháu Vi Văn L1 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có. Về án phí, buộc nguyên đơn chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vi Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã N, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Vi Văn T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L chung sống với anh Vi Văn T từ năm 1999, trước khi về chung sống với nhau được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên chị Hoàng Thị L và anh Vi Văn T không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc, đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Vi Văn T không chịu tu chí làm ăn nên vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm, hay cãi nhau. Đến năm 2018 chị Hoàng Thị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, đại diện Ủy ban nhân dân xã N, huyện B cho biết qua kiểm tra sổ Đăng ký kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã từ năm 1995 đến nay, không có trường hợp đăng ký kết hôn của chị Hoàng Thị L và anh Vi Văn T. Đại diện Ủy ban nhân dân xã N cho biết qua kiểm tra sổ Đăng ký kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã từ năm 1999 đến nay, không có trường hợp đăng ký kết hôn của chị Hoàng Thị L và anh Vi Văn T. Thực tế anh Vi Văn T và chị Hoàng Thị L chung sống với nhau tại thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Lạng sơn và có với nhau một

người con chung là vi Văn L1, sinh ngày 30/8/2000. Như vậy, chị Hoàng Thị L và anh Vi Văn T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thấy rằng yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị L là có căn cứ chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không công nhận chị Hoàng Thị L và anh Vi Văn T là vợ chồng.

[4] Theo khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày luật này có hiệu lực pháp luật thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: "*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này (Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; ... Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng"*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định trên và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986, không công nhận chị Hoàng Thị L và anh Vi Văn T là vợ chồng.

[5] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hoàng Thị L trình bày chị và anh Vi Văn T chung sống với nhau có 01 người con chung tên là Vi Văn L1, sinh ngày 30/8/2000. Do hiện nay con chung đã trưởng thành, chị Hoàng Thị L không yêu cầu giải quyết, anh Vi Văn T vắng mặt không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị L trình bày là không có; quá trình giải quyết vụ án anh Vi Văn T vắng mặt, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271; khoản 1 Điều 273; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hoàng Thị L và anh Vi Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên là Vi Văn L1, sinh ngày 30/8/2000, hiện nay con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Hoàng Thị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004180 ngày 22 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị L có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã Nhất Hòa, huyện Bắc Sơn;
- UBND xã Nhất Tiến, huyện Bắc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Đức